

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Bộ phận cáp treo của Công ty Du lịch Tây Ninh (nay là Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Tây Ninh) theo Quyết định số 15/QĐ-CT ngày 10 tháng 01 năm 2001 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4503000004 (số mới là 3900309621) ngày 11 tháng 01 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 15 tháng 11 năm 2004 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 6 tháng 7 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 73/UBCK-GPNY ngày 15 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Kể từ ngày 5 tháng 10 năm 2009, Công ty chuyển sàn niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 54/GCN-SGDHN ngày 5 tháng 10 năm 2009.

- Vốn điều lệ : 31.970.000.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Tây Ninh	1.630.520	16.305.200.000	51,00
Công ty Bảo hiểm nhân thọ Tây Ninh	300.000	3.000.000.000	9,38
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam	211.490	2.114.900.000	6,62
Các cổ đông khác	1.054.990	10.549.900.000	33,00
Cộng	3.197.000	31.970.000.000	100,00

- Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

Điện thoại : (84 - 66) 3.624.139 - 3.624.022

Fax : (84 - 66) 3.823.448

Email : catour@hcm.vnn.vn

Mã số thuế : **3 9 0 0 3 0 9 6 2 1**

- Hoạt động chính của Công ty

- Vận chuyển du khách, hàng hóa, vật tư bằng phương tiện cáp treo. Cho thuê quảng cáo trên panô, cabin và trụ tháp thuộc địa bàn Công ty quản lý. Nhận chuyển giao công nghệ các loại hình vui chơi giải trí từ nước ngoài và kinh doanh các loại hình vui chơi giải trí;
- Kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu vật tư thiết bị hàng hóa nông sản. Kinh doanh dịch vụ du lịch. Đại lý ký gửi, mua bán hàng hóa và các dịch vụ du lịch khác trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của Công ty cổ phần;
- Vận chuyển khách bằng hệ thống thiết bị máng trượt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 6 đến trang 24).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Ban điều hành, quản lý

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày từ nhiệm</u>
<u>Hội đồng Quản trị</u>			
Ông Nguyễn Thái Bình	Chủ tịch		9/12/2011
Ông Lê Hữu Phước	Chủ tịch	9/12/2011	
Ông Lê Hữu Phước	Phó Chủ tịch		9/12/2011
Ông Trần Trung Kiên	Phó Chủ tịch	9/12/2011	
Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên		
Ông Lê Thanh Sơn	Thành viên		
Ông Đặng Tấn Tài	Thành viên		

Ban Kiểm soát

Ông Võ Phước Hồng	Trưởng ban
Ông Đặng Văn Hoàng	Thành viên
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Hữu Phước	Giám đốc		9/12/2011
Ông Trần Trung Kiên	Giám đốc	9/12/2011	
Ông Trần Trung Kiên	Phó Giám đốc		9/12/2011

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã soát xét Báo cáo tài chính niên độ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kế thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

TRẦN TRUNG KIÊN - Giám đốc

Tây Ninh, ngày 16 tháng 01 năm 2012

Số: /2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: CÔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 16 tháng 01 năm 2012, từ trang 6 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Như trình bày tại Thuyết minh số VI.8, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền với số tiền là 1.298.331.640 VND trên cơ sở ước tính số lỗ đầu tư vào Công ty này, cơ sở trích lập dự phòng chưa được chính xác.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của điều chỉnh, nếu có, khi chúng tôi có đủ bằng chứng liên quan đến khoản dự phòng được trích lập đầu tư tại chính dài hạn nêu trên, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Qui định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2012

VÕ THỂ HOÀNG - Giám đốc điều hành
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV

NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0474/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY: CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Xã Ninh Sơn- Thị xã Tây Ninh-Tỉnh Tây Ninh

Năm tài chính : 2011

Tel:066.3624139 Fax:066.3823448

Mẫu số B01-DN.

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN			0	0
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		141,286,869,351	106,363,741,531
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		137,476,490,128	2,706,206,897
1. Tiền	111		2,776,490,128	1,906,206,897
2. Các khoản tương đương tiền	112		134,700,000,000	800,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			99,000,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121			99,000,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2,146,919,160	3,045,075,730
1. Phải thu khách hàng	131		28,890,330	92,572,800
2. Trả trước cho người bán	132		393,807,000	524,668,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1,724,221,830	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			0
5. Các khoản phải thu khác	135			2,427,834,930
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			0
IV. Hàng tồn kho	140		1,325,120,690	1,380,219,728
1. Hàng tồn kho	141		1,325,120,690	1,380,219,728
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		338,339,373	232,239,176
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		90,320,752	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		200,018,621	194,239,176
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		48,000,000	38,000,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4,393,779,144	3,431,435,416
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219			0
II. Tài sản cố định	220		1,361,016,687	808,609,401
1. Tài sản cố định hữu hình	221		158,393,056	211,284,898
- Nguyên giá	222		59,850,056,719	59,814,146,719
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59,691,663,663)	(59,602,861,821)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1,202,623,631	597,324,503
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,123,168,360	1,868,600,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2,421,500,000	1,868,600,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1,298,331,640)	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,909,594,097	754,226,015
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,485,789,534	565,513,895
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		423,804,563	188,712,120
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
VI. Lợi thế thương mại	269		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		145,680,648,495	109,795,176,947
NGUỒN VỐN				0
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		14,822,594,687	11,079,731,060
I. Nợ ngắn hạn	310		13,641,415,346	9,960,140,984
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		0	0
2. Phải trả người bán	312		39,896,170	470,959,180
3. Người mua trả tiền trước	313		0	
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		10,458,574,567	5,857,789,438
5. Phải trả người lao động	315		2,253,053,195	2,495,626,009
6. Chi phí phải trả	316		0	
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		5,599,163	10,320,000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		884,292,251	1,125,446,357
II. Nợ dài hạn	330		1,181,179,341	1,119,590,076
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334		0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1,125,924,050	972,537,025
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		55,255,291	147,053,051
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		130,858,053,808	98,715,445,887
I. Vốn chủ sở hữu	410		130,858,053,808	98,715,445,887
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		31,970,000,000	31,970,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414		0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		45,621,648,918	36,767,964,255
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7,647,796,969	4,587,470,895
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		45,618,607,921	25,390,010,737
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		145,680,648,495	109,795,176,947
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG				
1. Tài sản thuê ngoài	01		0	0
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		0	0
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		0	0
5. Ngoại tệ các loại	05		0	0
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		0	0

Lập Biểu

Kế Toán Trưởng

Ngày 24 Tháng 02 Năm 2012

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY: CỐ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
Địa chỉ: Xã Ninh Sơn- Thị Xã Tây Ninh-Tỉnh Tây Ninh
Tel: 0663624139 Fax:0663823448.

Báo cáo tài chính
Năm tài chính 2011

Mẫu số B02a-DN

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		63,109,252,852	46,507,590,367
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		63,109,252,852	46,507,590,367
4. Giá vốn hàng bán	11		2,207,645,035	1,812,600,445
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		60,901,607,817	44,694,989,922
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		18,072,761,122	10,569,072,551
7. Chi phí tài chính	22		1,298,331,640	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	24		8,806,953,133	9,419,122,957
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,687,723,137	5,132,145,531
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}	30		63,181,361,029	40,712,793,985
11. Thu nhập khác	31		277,923,435	73,311,851
12. Chi phí khác	32		81,648,838	0
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		196,274,597	73,311,851
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40+45)	50		63,377,635,626	40,786,105,836
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		15,853,620,148	10,245,485,322
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(235,092,443)	(62,640,223)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		47,759,107,921	30,603,260,737
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		0	0
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		0	0
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		14,939	9,572

Lập Biểu

Kế Toán Tr ưởng

Ngày 24 Tháng 02 Năm 2012

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY: CÔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
Địa chỉ: Xã Ninh Sơn- Thị Xã Tây Ninh- Tỉnh Tây Ninh
Tel: 0663624139 Fax: 0663823448

Báo cáo tài chính
Năm tài chính : 2011

Mẫu số B03a-DN

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			0	0
1. Lợi nhuận trước thuế	01		63,377,635,626	40,786,105,836
2. Điều chỉnh cho các khoản			0	0
- Khấu hao TSCĐ	02		88,801,842	188,093,426
- Các khoản dự phòng	03		1,298,331,640	0
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		0	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18,072,761,122)	(10,523,200,392)
- Chi phí lãi vay	06		0	0
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		46,692,007,986	30,450,998,870
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3,110,156	(207,901,530)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		55,099,038	309,700,484
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(516,617,093)	786,320,614
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,010,596,391)	95,305,799
- Tiền lãi vay đã trả	13		0	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(11,352,985,322)	(9,903,811,152)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		0	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3,069,654,106)	(2,370,595,193)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30,800,364,268	19,160,017,892
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			0	0
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(641,209,128)	70,219,963
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(111,800,000,000)	(285,300,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		210,800,000,000	255,800,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(552,900,000)	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			150,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18,952,028,091	10,871,294,533
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		116,757,918,963	(18,408,485,504)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			0	0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		0	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		0	0
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12,788,000,000)	(9,591,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12,788,000,000)	(9,591,000,000)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		134,770,283,231	(8,839,467,612)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2,706,206,897	11,545,674,509
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		137,476,490,128	2,706,206,897

L ập Biểu

Kế Toán Trưởng

Ngày 24 Tháng 02 Năm 2011
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ - Thương mại

3. Ngành nghề kinh doanh :

- Vận chuyển du khách, hàng hóa, vật tư bằng phương tiện cáp treo. Cho thuê quảng cáo trên panô, cabin và trụ tháp thuộc địa bàn Công ty quản lý. Nhận chuyển giao công nghệ các loại hình vui chơi giải trí từ nước ngoài và kinh doanh các loại hình vui chơi giải trí;
- Kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu vật tư thiết bị hàng hóa nông sản. Kinh doanh dịch vụ du lịch. Đại lý ký gửi, mua bán hàng hóa và các dịch vụ du lịch khác trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của Công ty cổ phần;
- Vận chuyển khách bằng hệ thống thiết bị máng trượt.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là năm tài chính thứ 11 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

5. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Nhóm tài sản cố định hữu hình</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 10
Dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	4

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng để dựng pano quảng cáo. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí sửa chữa, bảo trì

Chi phí sửa chữa, bảo trì bao gồm các chi phí sửa chữa nhà ga, chi phí thay cáp,... được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

8. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là ½ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

9. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

- Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn điều lệ mà các cổ đông đã góp.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	762.728.000	951.368.500
Tiền mặt VND	762.728.000	951.368.500
Tiền gửi ngân hàng	2.013.762.128	954.838.397
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	185.585.236	-
Ngân hàng TMCP Đông Á - PGD Long Hoa	3.972.056	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	404.315.685	393.784.619
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hòa Thành	1.398.350.064	535.819.039
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Hòa Thành - Chi nhánh Tây Ninh	1.347.078	1.314.578
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tây Ninh	2.754.914	2.688.753
Ngân Hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tây Ninh	2.410.736	4.839.101
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tây Ninh	6.145.181	3.715.837
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	2.471.045	9.798.254
Ngân hàng TMCP Gia Định - Chi nhánh Sài Gòn - Phòng giao dịch Tây Ninh	2.429.404	2.878.216
Ngân Hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tây Ninh - Phòng giao dịch Long Hoa	3.980.729	-
Tương đương tiền	134.700.000.000	800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hòa Thành	54.500.000.000	800.000.000
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	31.200.000.000	-
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tây Ninh	6.000.000.000	-
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	28.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	15.000.000.000	-
Cộng	137.476.490.128	2.706.206.897

2. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Liên doanh ARTDESCO	67.500.000	67.500.000
Công ty TNHH Thiết kế Kiến trúc P.A	-	102.000.000
Công ty TNHH Tây Phố	57.737.000	114.548.000
Trung tâm Quy hoạch & Kiểm định Xây dựng	240.620.000	240.620.000
Công Ty Cổ phần Misa	6.950.000	-
Công Ty TNHH Tư vấn Xây dựng Địa ốc Văn Trường	21.000.000	-
Cộng	393.807.000	524.668.000

3. Các khoản phải thu khác

Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	1.349.911.113	2.229.178.082
Phải thu lại thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	353.208.719	176.549.010
Phải thu Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền	20.000.000	20.000.000
Phải thu khác	1.101.998	2.107.838
Cộng	1.724.221.830	2.427.834.930

4. Hàng tồn kho

Nguyên vật, vật liệu	1.325.120.690	1.380.219.728
Cộng	1.325.120.690	1.380.219.728

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí in vé	-	159.400.000	122.590.248	36.809.752
Chi phí sửa chữa, bảo trì	-	39.750.000	-	39.750.000
Chi phí khác	-	13.761.000	-	13.761.000
Cộng	-	212.911.000	122.590.248	90.320.752

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản trong năm như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số đầu năm	12.604.559.972	45.096.692.973	1.144.627.898	894.231.512	74.034.364	59.814.146.719
2. Tăng trong năm	-	35.910.000	-	-	-	35.910.000
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	12.604.559.972	45.132.602.973	1.144.627.898	894.231.512	74.034.364	59.850.056.719
II. Hao mòn lũy kế						
1. Số đầu năm	12.576.473.002	45.068.383.258	1.144.627.898	739.343.299	74.034.364	59.602.861.821
2. Tăng trong năm	12.766.769	25.654.531	-	50.380.542	-	88.801.842
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	12.589.239.771	45.094.037.789	1.144.627.898	789.723.841	74.034.364	59.691.663.663
III. Giá trị còn lại						
1. Số đầu năm	28.086.970	28.309.715	-	154.888.213	-	211.284.898
2. Số cuối năm	15.320.201	38.565.184	-	104.507.671	-	158.393.056
Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
1. Số đầu năm	12.527.959.153	44.976.428.589	1.144.627.898	664.025.599	74.034.364	59.387.075.603
2. Số cuối năm	12.527.959.153	44.976.428.589	1.144.627.898	664.025.599	74.034.364	59.387.075.603

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Chi phí xây dựng hệ thống cấp treo mới	597.324.503	605.299.128	-	1.202.623.631

8. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh (1)	921.500.000	368.600.000
Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền (2)	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	2.421.500.000	1.868.600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền	(1.298.331.640)	-
Giá trị thuần của khoản đầu tư dài hạn	1.123.168.360	1.868.600.000

(1) Khoản đầu tư vào thành lập Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh với giá trị vốn góp là 368.600.000 VND, chiếm tỷ lệ 5,64% vốn điều lệ của Công ty này. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã thanh toán tiền mua 55.290 cổ phần phát hành thêm theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 9 tháng 12 năm 2011 với số tiền là 552.900.000 VND. Trong năm 2011, Công ty đã ghi nhận vào thu nhập tài chính liên quan đến khoản cổ tức đã thu từ Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh với số tiền là 36.860.000 VND (năm 2010: 31.331.000 VND).

(2) Khoản đầu tư vào thành lập Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh với giá trị vốn góp là 1.500.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 15% vốn điều lệ của Công ty này. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh đã có quyết định giải ngày 29 tháng 5 năm 2009 do kinh doanh không hiệu quả, nhưng đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty này vẫn chưa hoàn tất thủ tục giải thể. Trong Báo cáo tài chính năm 2011, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền với số tiền là 1.298.331.640 VND trên cơ sở ước tính số lỗ đầu tư vào Công ty này theo Công văn số 19/CV-BTL ngày 3 tháng 8 năm 2011 của Ban thanh lý giải thể Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền về việc đề nghị giá thanh lý của tài sản.

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Chi phí thuê đất	26.683.329	-	11.750.004	14.933.325
Chi phí sửa chữa, bảo trì	251.271.780	-	250.915.979	355.801
Công cụ, dụng cụ	287.558.786	1.316.027.684	133.086.062	1.470.500.408
Cộng	565.513.895	1.316.027.684	395.752.045	1.485.789.534

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm kế toán trước:

	Dự phòng trợ cấp mất việc	Chi phí phải trả	Dự phòng đầu tư dài hạn	Doanh thu chưa thực hiện	Cộng
Số dư 01/01/2010	106.071.897	20.000.000	-	-	126.071.897
Ghi nhận vào kết quả trong năm	45.876.960	(20.000.000)	-	25.876.960	51.753.920
Số dư 31/12/2010	151.948.857	-	-	36.763.263	188.712.120
Ghi nhận vào kết quả trong năm	(66.541.027)	-	324.582.910	(22.949.440)	235.092.443
Số dư 31/12/2011	85.407.830	-	324.582.910	13.813.823	423.804.563

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi nhánh công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex Tây Ninh	39.896.170	37.799.180
Cơ điện lạnh Trần Đuọc	-	10.470.000
Công ty Cổ Phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Tân Trường Thịnh	-	240.000.000
Công ty TNHH Quảng Cáo Trẻ V&T	-	182.690.000
Cộng	39.896.170	470.959.180

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	48.804.116	5.799.686.191	5.696.535.888	151.954.419
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	91.506.353	91.506.353	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	116.685.954	116.685.954	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.802.985.322	15.853.620.148	11.352.985.322	10.303.620.148
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(194.239.176)	557.070.728	562.850.173	(200.018.621)
Các loại thuế khác	6.000.000	152.253.834	155.253.834	3.000.000
<i>Thuế môn bài</i>	-	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	-
<i>Tiền thuê đất</i>	-	<i>351.020.607</i>	<i>351.020.607</i>	-
<i>Thuế khác</i>	<i>6.000.000</i>	<i>152.253.834</i>	<i>155.253.834</i>	<i>3.000.000</i>
Cộng	5.663.550.262	22.570.823.208	17.975.817.524	10.258.555.946

(*) Số thuế thu nhập cá nhân phải thu được trình bày ở chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải thu Nhà nước”.

❖ **Thuế giá trị gia tăng**

- Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành
- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng : 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

❖ **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VII.8

❖ **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo các qui định hiện hành.

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (*)	Chi trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	273.161.540	267.075.000	324.000.000	216.236.540
Quỹ phúc lợi	852.284.817	1.513.425.000	1.697.654.106	668.055.711
Quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành	-	688.000.000	688.000.000	-
Cộng	1.125.446.357	2.468.500.000	2.709.654.106	884.292.251

(*) Xem trích lập các quỹ từ lợi nhuận tại Thuyết minh số VI.15

14. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số chi trong năm	Số cuối năm
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	972.537.025	168.629.425	15.242.400	1.125.924.050

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

15. Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu trong năm:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm	31.970.000.000	36.767.964.255	4.587.470.895	25.390.010.737	98.715.445.887
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	47.759.107.921	47.759.107.921
Trích lập các quỹ (*)		8.853.684.663	3.060.326.074	(11.914.010.737)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(1.780.500.000)	(1.780.500.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành (*)				(688.000.000)	(688.000.000)
Cổ tức đã thanh toán (*)				(12.788.000.000)	(12.788.000.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (*)	-	-	-	(360.000.000)	(360.000.000)
Số cuối năm	31.970.000.000	45.621.648.918	7.647.796.969	45.618.607.921	130.858.053.808

(*) Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2011 ngày 30 tháng 7 năm 2011

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu thường	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu thường	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Tây Ninh	51,00	1.630.520	16.305.200.000	51,00	1.630.520	16.305.200.000
Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Tây Ninh	9,38	300.000	3.000.000.000	9,38	300.000	3.000.000.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam	6,62	211.490	2.114.900.000	6,62	211.490	2.114.900.000
Nhà đầu tư khác	33,00	1.054.990	10.549.900.000	33,00	1.054.990	10.549.900.000
Cộng	100	3.197.000	31.970.000.000	100	3.197.000	31.970.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.197.000	3.197.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	3.197.000	3.197.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.197.000</i>	<i>3.197.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.197.000	3.197.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.197.000</i>	<i>3.197.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu vận chuyển	62.336.131.127	45.747.366.777
Doanh thu quảng cáo	472.736.920	485.517.488
Doanh thu khác	300.384.805	274.706.102
Cộng	<u>63.109.252.852</u>	<u>46.507.590.367</u>

2. Giá vốn hàng bán

Hoạt động vận chuyển	2.180.600.216	1.782.971.268
Hoạt động quảng cáo	16.536.962	18.922.701
Hoạt động khác	10.507.857	10.706.476
Cộng	<u>2.207.645.035</u>	<u>1.812.600.445</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	18.035.901.122	10.514.347.107
Cổ tức	36.860.000	31.331.000
Lãi đầu tư trái phiếu	-	23.394.444
Cộng	<u>18.072.761.122</u>	<u>10.569.072.551</u>

4. Chi phí tài chính

Chi phí dự phòng đầu tư dài hạn (*)	1.298.331.640	-
Cộng	<u>1.298.331.640</u>	-

(*) Xem Thuyết minh số VI.8

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	6.877.086.764	7.042.481.858
Chi phí nguyên vật liệu	544.610.539	212.399.596
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	87.601.974	43.188.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	974.191.011	1.200.079.646
Chi phí bằng tiền khác	323.462.845	920.973.452
Cộng	<u>8.806.953.133</u>	<u>9.419.122.957</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	4.024.244.502	3.289.860.702
Chi phí nguyên vật liệu	29.677.480	31.577.844
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	45.128.287	26.470.311
Chi phí khấu hao	50.380.574	-
Thuế, phí và lệ phí	354.020.607	353.979.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	540.891.181	510.940.831
Chi phí bằng tiền khác	643.380.506	919.316.499
Cộng	<u>5.687.723.137</u>	<u>5.132.145.531</u>

7. Thu nhập khác

Thu nhập từ cho thuê vườn cây	37.629.607	36.940.224
Thu tiền điện hộ kinh doanh	35.115.930	31.242.808
Thu thanh lý	205.175.455	-
Thu nhập khác	2.443	5.128.819
Cộng	<u>277.923.435</u>	<u>73.311.851</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	63.377.635.626	40.786.105.836
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	36.844.967	195.835.451
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	220.758.018	330.560.895
Trợ cấp thôi việc vượt qua định	83.853.889	183.507.844
Chi phí nộp phạt và thuế bị truy thu	81.648.838	-
Doanh thu chưa thực hiện	55.255.291	147.053.051
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(183.913.051)	(134.725.444)
Chi phí kiểm toán phải trả	-	(80.000.000)
Doanh thu chưa thực hiện năm trước	(147.053.051)	-
Cổ tức nhận được	(36.860.000)	(31.331.000)
Lãi trái phiếu Chính phủ nhận được	-	(23.394.444)
Tổng thu nhập chịu thuế hiện hành	<u>63.414.480.593</u>	<u>40.981.941.287</u>
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>15.853.620.148</u>	<u>10.245.485.322</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	47.759.107.921	30.603.260.737
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	47.759.107.921	30.603.260.737
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (*)	3.197.000	3.197.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.939	9.572

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.197.000	3.197.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.197.000	3.197.000

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nhân viên	11.949.942.932	10.652.955.983
Chi phí nguyên vật liệu	904.795.519	798.964.722
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	269.623.957	343.446.108
Chi phí khấu hao tài sản cố định	88.801.842	188.093.426
Thuế, phí và lệ phí	354.020.607	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.053.915.013	2.168.139.399
Chi phí bằng tiền khác	1.081.221.435	2.212.269.295
Cộng	16.702.321.305	16.363.868.933

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết vốn

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết chi đầu tư cho dự án cấp treo mới như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng vốn đầu tư được duyệt	208.000.000.000	127.000.000.000
Giá trị đã ghi nhận vào chi phí XD/CB dở dang	(1.202.623.631)	(597.324.503)
Số đã ứng trước cho người bán	(386.857.000)	(524.668.000)
Số cam kết	206.410.519.369	125.878.007.497

Tổng vốn đầu tư cho dự án cấp treo mới được điều chỉnh tăng từ 127.000.000.000 VND lên 208.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2011 của Công ty ngày 30 tháng 7 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

2. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	351.020.607	451.020.607
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	1.404.082.426	1.604.082.426
Sau năm thứ 5	<u>14.342.031.427</u>	<u>14.693.052.034</u>
Cộng	<u>16.097.134.460</u>	<u>16.748.155.067</u>

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê đất số 05/05HĐ-TĐ.ĐC ngày 26 tháng 5 năm 2008 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 2 khu đất, thời hạn 50 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2007, chi tiết cụ thể:
 - + Diện tích đất 19.093,8 m² tại ấp Phước Long 2, xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đơn giá thuê đất từ mét thứ 1 đến mét thứ 100 là 2.786,875 VND/m²/năm; sau mét thứ 100, đơn giá thuê là 1.393,4375 VND/m²/năm;
 - + Diện tích đất 266.041,1 m² tại ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đơn giá thuê đất từ mét thứ 1 đến mét thứ 100 là 1.564,0625 VND/m²/năm; sau mét thứ 100, đơn giá là 782,03125 VND/m²/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 01/05/HĐ-TĐ ngày 8 tháng 5 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 13.242,4 m² đất tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh với thời hạn thuê 50 năm từ ngày 31 tháng 3 năm 2009, đơn giá thuê là 5.424 VND/m²/năm.

3. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Ông Lê Hữu Phước	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trần Trung Kiên	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Tây Ninh		
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	6.165.779
Thu hộ tiền bán vé lửa	79.671.000	-
Thanh toán doanh thu khoán bán vé xe lửa	<u>-</u>	<u>1.150.000.000</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Lê Hữu Phước		
Phải thu lại tiền thuế thu nhập cá nhân	<u>120.099.409</u>	<u>-</u>
Ông Trần Trung Kiên		
Phải thu lại tiền thuế thu nhập cá nhân	<u>35.361.248</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Xã Ninh Sơn, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

4. Thu nhập của các thành viên chủ chốt của Công ty

Thu nhập của các thành viên chủ chốt trong Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	977.955.000	837.994.490
Thưởng	257.568.186	89.100.000
Phụ cấp khác	143.090.775	185.995.537
Cộng	<u>1.378.613.961</u>	<u>1.113.090.027</u>

5. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>ĐVT</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Bố trí cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	96,98	96,87
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	3,02	3,13
<i>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	10,17	10,09
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	89,83	89,91
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	9,83	9,91
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	10,36	10,68
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	10,26	10,54
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	100,43	87,70
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	75,68	65,80
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	49,62	40,82
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	37,39	30,63
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu bình quân</i>			
	%	55,21	45,55

6. Số liệu so sánh

Một số số liệu của báo cáo năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu năm nay.

Tây Ninh, ngày 16 tháng 01 năm 2012

TRẦN TRUNG KIÊN
Giám đốc

NGUYỄN VĂN SINH
Kế toán trưởng

TRẦN THỊ SONG GIANG
Người lập biểu

V/v: Báo cáo giải trình lợi nhuận
năm 2011 tăng so với năm 2010

Tây Ninh, ngày 24 tháng 02 năm 2012

TỜ GIẢI TRÌNH

Kính gửi: Ban Quản Lý Và Phát Hành Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước .

- Căn cứ theo quy định tại mục IV khoản 1 thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011 của Công Ty Cổ Phần Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh.

Nay Công Ty Cổ Phần Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh xin báo cáo giải trình một số nguyên nhân chính dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2011 tăng so với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2010 như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2011 tăng 35,70% so với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2010, nguyên nhân do tăng giá vé dịch vụ cáp treo, máng trượt và xe lửa, xe điện.
- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2011 tăng 70,99% so với doanh thu hoạt động tài chính năm 2010, nguyên nhân của sự gia tăng là do lượng tiền mặt nhàn rỗi được đầu tư vào các ngân hàng kịp thời và các hợp đồng tiền gửi đã đến hạn.
- Tỷ suất chi phí kinh doanh năm 2011 (22,97%) giảm 8,32% so với tỷ suất chi phí kinh doanh năm 2010(31,29%) do Công ty phấn đấu tích cực trong việc tiết kiệm chi phí vật tư sửa chữa, và tiền điện sử dụng.
- Doanh thu tăng, tỷ suất chi phí kinh doanh giảm dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trong năm 2011 tăng 56,06% so với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2010.

Trên đây là báo cáo giải trình một số nguyên nhân chính dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2011 tăng so với chỉ tiêu chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2010 của Công Ty Cổ Phần Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh.

Trân trọng!
Nơi nhận
- Như trên
- Nơi lưu

Công Ty Cổ Phần Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh
Giám đốc